

Biểu mẫu 06

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦN THÀNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế
Cuối học kì I năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	499	109	76	99	108	107
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	499	109	76	99	108	107
III	Số học sinh chia theo năng lực	499	109	76	99	108	107
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	483 96.8%	101 92.7%	75 98.7%	99 100%	101 93,5%	107 100%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	13 2.6%	6 5.5%	/	/	06 5,0%	/
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.6	2 (HSKT) 1.8	1(HSKT) 1.3	/	/	/
IV	Số học sinh chia theo phẩm chất	499	109	76	99	108	107
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	482 96.6%	103 94.5	76 100%	99 100%	97 89.8%	107 100%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	16 3.2%	5 4.6%	/	/	11 10.2%	/
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1/ 0.2%	1 (HSKT) 0.9 %	/	/	/	/
V	Số học sinh chia theo kết quả học tập	499	109	76	99	108	107
1	Hoàn thành tốt	223	89	49	53	18	14

	(tỷ lệ so với tổng số)	44.75%	81.7%	64.5%	53.5%	16.6%	13.1%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	265 53.1%	13 11.9%	26 34.2	46 46.5%	88 81.5%	92 86.00
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	11 2.2%	7 (6HSKT) 6.4%	1 (HSKT) 1.3%		2 1.9%	1 0.9
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp - Hoàn thành chương trình lớp học (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
a	Trong đó: Học sinh được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
b	Học sinh được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/

Cần Thạnh, ngày 31 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Minh Huệ